TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2018/HS-ST
Ngày 19 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Trường.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Sỹ Đ, sinh ngày 30/9/1981 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ Q, đã chết và bà Lã Thị V, sinh năm 1950; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 02 tiền án: Ngày 19/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 5.000.000 đồng theo bản án số: 28/2011/HS-ST, ngày 22/3/2013 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 23/01/2018 chấp hành xong hình phạt bổ sung. Ngày 12/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc và 09 tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt cả hai tội là 02 năm tù, được trừ thời hạn tam giữ 03 ngày, còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng 27 ngày theo bản án số: 44/2018/HS-ST, bị cáo chưa chấp hành; tiền sự: Không có; bị tạm giữ, tạm giam

tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 03 tháng 10 năm 2018 đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Văn T, sinh ngày 02/4/1996 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1960; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 03/10/2018 đến ngày 11/10/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

3. Lê Thị L, sinh ngày 10/10/1970 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình X, đã chết và bà Nguyễn Thị C, đã chết; Chồng: Nguyễn Văn H, đã chết và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 02/10/2018 đến ngày 11/10/2018 thay thế biên pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Có mặt.

4. Ân Thị Đ, sinh ngày 10/10/1973 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ân Văn N, đã chết và bà Trương Thị S, sinh năm 1948; Chồng: Lê Đình H, sinh năm 1967 và 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 02/10/2018 đến ngày 11/10/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Có mặt.

5. Ma Thị N, sinh ngày 04/3/1981 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn A, đã chết và bà Tô Thị T, đã chết; Chồng: Không có; con: Có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11 tháng 10 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ quan đến vụ án: Anh Nông Văn N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12h45’ ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang vụ đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, được thua bằng tiền. Bắt

tại nơi đánh bạc Ân Thị Đ, Lê Thị L. Thu tại nơi đánh bạc gồm có tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.240.000 đồng; 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,8m x 1,6m; 36 quân bài tú lơ khơ; 01 xe mô-tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đen biển kiểm soát 29-Z8-1466; 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Sỹ Đ; 02 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA màu đen, 01 chiếc nhãn hiệu Masstel. Thu trên người của Ân Thị Đ số tiền 6.780.000 đồng; Lê Thị L số tiền 500.000 đồng.

Quá trình điều tra đã làm rõ buổi trưa ngày 02 tháng 10 năm 2018, Hoàng Văn T gọi điện cho Nguyễn Sỹ Đ hỏi "*chú đang ở đâu, tý có lên đây không*", Nguyễn Sỹ Đ hiểu, Hoàng Văn T gọi lên đánh bạc. Khoảng 11h30' cùng ngày Nguyễn Sỹ Đ gọi điện cho Hoàng Văn T hỏi "*có ai đánh bạc chưa*", Hoàng Văn T bảo Nguyễn Sỹ Đ cứ lên đi. Hoàng Văn T đến nhà Lê Thị L rủ Lê Thị L đi đánh bạc, tiếp đó Hoàng Văn T gọi điện cho Ma Thị N rủ đánh bạc. Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L đi đến khu vực miếu thờ Thổ Kỳ của thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để đánh bạc, thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây, Hoàng Văn T đi mua một bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc, chiếu cói có sẵn ở Thổ Kỳ của thôn từ trước. Ban đầu có Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L tham gia đánh bạc, sau đó có Ma Thị N đến vào tham gia đánh bạc, khi mọi người đang đánh bạc thì có Ân Thị Đ gọi điện cho Hoàng Văn T hỏi đang ở đâu thì được Hoàng Văn T cho biết đang đánh bạc trên Thổ Kỳ, Ân Thị Đ đến và tham gia đánh bạc cùng mọi người. Các bị cáo dùng số tiền tham gia đánh bạc là Nguyễn Sỹ Đ 1.300.000 đồng; Hoàng Văn T 1.200.000 đồng; Lê Thị L 1.100.000 đồng; Ân Thị Đ 2.550.000 đồng; Ma Thị N 170.000 đồng. Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ma Thị N, Ân Thị Đ cùng nhau đánh bạc đến khoảng 12h30' thì Ma Thị N thua hết tiền đi về trước, những người còn lại tiếp tục đánh bạc đến 12h45' cùng ngày thì bị Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang, bắt được Ân Thị Đ, Lê Thị L còn Nguyễn Sỹ Đ cầm theo 100.000 đồng và Hoàng Văn T cầm theo 1.200.000 đồng chạy thoát. Đến ngày 03 tháng 10 năm 2018 Hoàng Văn T, Nguyễn Sỹ Đ và Ma Thị N đến Công an huyện Hữu Lũng đầu thú. Hoàng Văn T giao nộp số tiền dùng vào việc đánh bạc, Nguyễn Sỹ Đ khai 100.000 đồng cầm khi bỏ chạy đã rơi mất. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 6.320.000 đồng.

Hình thức đánh bạc ba cây là dùng bộ bài tú lơ khơ, bỏ đi các quân bài từ 10 đến K, dùng 36 quân bài từ A đến 9 để đánh bạc. Trước tiên, để xác định ai là người được cầm chương, phải chia cho mỗi người 3 quân, tính điểm của ai cao điểm nhất thì được cầm chương (điểm là số tương ứng với số trên lá bài, quân A là 1 điểm).

Khi đánh bạc người cầm chương là người chia bài cho mỗi người 3 quân, cộng điểm 3 quân bài được 10 điểm hoặc 20 điểm là bài hầm và được thắng, nếu không có ai được điểm hầm thì tính ai có tổng điểm của của 3 quân bài cao nhất là thắng. Nếu tổng số điểm từ 11 đến 19 và từ 21 đến 27 điểm thì chỉ được lấy số hàng đơn vị là để tính điểm. Nếu cùng có bài hầm hoặc cùng số điểm thì tính

theo chất, chất rô to nhất rồi đến cơ, bích, tép. Trong chất dô thì A rô to nhất rồi đến 9 dô rồi đến 2 dô là nhỏ nhất, các chất còn lại là 9 to nhất, A nhỏ nhất.

Người đánh bạc đặt tiền ra trước mặt để đánh bạc và so sánh bài của mình với bài của người cầm chương để xác định thắng thua, tỉ lệ 1 ăn 1, những người đánh bạc thống nhất đặt cửa mỗi ván là 50.000 đồng nếu thắng thì người cầm chương phải thanh toán, thua thì người cầm chương được số tiền người đánh bạc đã đặt, ngoài đặt tiền đánh cửa mọi người còn đặt tiền vào giữa chiếu bạc (vào nước), mỗi ván 50.000 đồng, ai có số điểm to nhất là thắng được toàn bộ số tiền của mọi người đã đặt. Nếu có người được bài hầm to nhất thì ván bạc tiếp theo họ sẽ là người được cầm chương.

Vật chứng đã thu giữ có liên quan đến việc đánh bạc hiện đang tạm giữ gồm có: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 6.320.000 đồng, trong đó có 1.240.000 đồng thu trên chiếu bạc; thu trong hai túi quần của Ân Thị Đ 3.280.000 đồng; Hoàng Văn T cầm bỏ chạy khi bắt quả tang đã giao nộp 1.200.000 đồng; thu trên người Lê Thị L 500.000 đồng; 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,8m x 1,6m; 36 quân bài tú lơ khơ; 03 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen số IMEI 6756883 của Ân Thị Đ, 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng số IMEI 66671 của Hoàng Văn T, 01 chiếc nhãn hiệu 112 màu đen số IMEI 552241 của Nguyễn Sỹ Đ.

Vật chứng liên quan đến việc đánh bạc chưa thu giữ được là 100.000 đồng Nguyễn Sỹ Đ cầm theo khi bỏ chạy.

Vật chứng đã thu giữ không liên quan đến việc đánh bạc còn tạm giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh dương số IMEI 66852118 của Lê Thị L; 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Sỹ Đ; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 3.500.000 đồng thu giữ trong áo con của Ân Thị Đ.

Vật chứng không liên quan đến việc đánh bạc thu giữ đã trao trả cho chủ sở hữu 01 xe mô-tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đen biển kiểm soát 29-Z8-1466 của Nông Văn N cho Nguyễn Sỹ Đ mượn đi không biết Đ đem đi đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số: 109/CT-VKSHL-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ Đ về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N giữ nguyên lời khai như tại cơ quan điều tra và khẳng định các bị cáo bị truy tố đúng với hành vi đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ Đ về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N về tội "Đánh bạc" theo khoản

1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Sỹ Đ phạm tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ Đ từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018. Tổng hợp hình phạt 01 năm 11 tháng 27 ngày tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 04 năm 11 tháng 27 ngày tù đến 05 năm 05 tháng 27 ngày tù.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

3. Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ân Thị Đ từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Thị N từ 06 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Do bị cáo Lê Thị L thuộc hộ gia đình nghèo, các bị cáo còn lại đều không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,8m x 1,6m; 36 quân bài tú lơ khơ là các dụng cụ liên quan đến hành vi đánh bạc không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 6.320.000 đồng có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước gồm 03 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen số IMEI 6756883 của Ân Thị Đ; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng số IMEI 66671 của Hoàng Văn T; 01 chiếc nhãn hiệu 112 màu đen số IMEI 552241 của Nguyễn Sỹ Đ có liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Sỹ Đ số tiền 100.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh dương số IMEI 66852118; Nguyễn Sỹ Đ 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân; Ân Thị Đ số tiền 3.500.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nông Văn N và người làm chứng bà Bùi Thị C đều không có lí do. Nhưng trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt của anh Nông Văn N, bà Bùi Thị C không ảnh hưởng đến phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Hồi 12 giờ 45 phút ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại miếu thờ Thổ Kỳ thuộc thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang vụ án đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây, những người đánh bạc gồm có Nguyễn Sỹ Đ,

Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trái phép là 6.320.000 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Sỹ Đ phạm tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Cáo trạng số: 109/CT-VKSHL-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Sỹ Đ về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự của địa phương. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu sát phạt lẫn nhau và vì mục đích hám lợi nên các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Vụ án tuy có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn nên phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó.

[6] Bị cáo Nguyễn Sỹ Đ có vai trò cao nhất trong vụ án này, là người khởi xướng ra việc đánh bạc, tích cực tham gia đánh bạc với các bị cáo khác. Vai trò tích cực tiếp theo thuộc về bị cáo Hoàng Văn T chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ để đánh bạc, rủ các bị cáo Lê Thị L, Ma Thị N đi đánh bạc, chỉ địa điểm đánh bạc cho bị cáo Ân Thị Đ. Các bị cáo Lê Thị L, Ân Thị Đ là những người tham gia đánh bạc nên có vai trò ngang nhau và sau bị cáo Hoàng Văn T. Bị cáo Ma Thị N tham gia đánh bạc, tuy nhiên có vai trò ít tích cực hơn các bị cáo nêu trên nên cần xử mức hình phạt thấp hơn.

[7] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Sỹ Đ có nhân thân xấu đã có 02 tiền án trong đó có 01 tiền án năm 2018 chưa chấp hành, không có tiền sự, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

[9] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[10] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Hoàng Văn T, Ma Thị N đã ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo

Nguyễn Sỹ Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã ra đầu thú được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Từ những phân tích Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của bản thân và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xét xử các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo để các bị cáo yên tâm cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội. Việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật đồng thời thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Sỹ Đ đã có 02 tiền án trong đó có 01 tiền án năm 2018 chưa chấp hành mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm nên cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục cho chính bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Lê Thị L thuộc hộ gia đình nghèo, các bị cáo còn lại đều không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cần tịch thu và tiêu hủy các dụng cụ dùng để đánh bạc không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 6.320.000 đồng có liên quan đến hành vi phạm tội; tịch thu, sung ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen số IMEI 6756883 của bị cáo Ân Thị Đ; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng số IMEI 66671 của bị cáo Hoàng Văn T; 01 chiếc nhãn hiệu 112 màu đen số IMEI 552241 của bị cáo Nguyễn Sỹ Đ liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng; truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Sỹ Đ số tiền 100.000 đồng có liên quan đến hành vi phạm tội chưa giao nộp lại; trả lại cho các bị cáo tiền, đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[14] Xác nhận vật chứng không liên quan đến việc đánh bạc thu giữ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã trả cho anh Nông Văn N chủ sở hữu 01 xe mô-tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu đen biển kiểm soát 29-Z8-1466, do anh Nông Văn N cho Nguyễn Sỹ Đ mượn đi không biết Nguyễn Sỹ Đ đem đi đánh bạc là phù hợp quy định.

[15] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sỹ Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai bẩy) ngày tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2018/HS-ST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Buộc bị cáo Nguyễn Sỹ Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 11 (mười một) tháng 27 (hai bẩy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 10 năm 2018.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết

định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ân Thị Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Ma Thị N 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19 tháng 11 năm 2018. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói kích thước 1,8m x 1,6m; 36 quân bài tú lơ khơ.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 6.320.000 đồng.

Tịch thu, sung ngân sách nhà nước gồm 03 chiếc điện thoại di động, trong đó có 01 chiếc nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen số IMEI 6756883 của Ân Thị Đ; 01 chiếc nhãn hiệu OPPO màu trắng vàng số IMEI 66671 của Hoàng Văn T; 01 chiếc nhãn hiệu 112 màu đen số IMEI 552241 của Nguyễn Sỹ Đ.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Sỹ Đ số tiền 100.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo Lê Thị L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh dương số IMEI 66852118; Nguyễn Sỹ Đ 01 chiếc ví giả da màu đen, bên trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân; Ân Thị Đ số tiền 3.500.000 đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 11 năm 2018 và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 44 ngày 06 tháng 11 năm 2018).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Sỹ Đ, Hoàng Văn T, Lê Thị L, Ân Thị Đ, Ma Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền